

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2020
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

2/ Ông **Võ Thành Hưng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ngọc G**, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: khu vực L, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu dân cư T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Anh T hiện đang chấp hành án tại Trại giam H, tỉnh Long An theo bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt Nguyễn Anh T 13 năm tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc G trình bày: Tôi và ông Nguyễn Anh T chung sống với nhau và

tiến tới hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cần Thơ nay là phường K, quận N, thành phố Cần Thơ cấp theo giấy chứng nhận kết hôn số 05-KH-98 vào ngày 23/4/1998.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau. Hiện tại chồng bà đang chấp hành án tại Trại giam H, tỉnh Long An về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu:

- + Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Anh T.
- + Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Trường A (nam), sinh ngày 22/3/1998 và Nguyễn An B (nam); sinh ngày 14/11/2002. Hiện tại cháu A và cháu B đã trưởng thành. Bà G không yêu cầu giải quyết.
- + Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Anh T trình bày: Vào năm 1996, tôi có kết hôn với bà Lê Thị Ngọc G và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, giữa ông và bà G có 02 con chung cụ thể: Nguyễn Trường A, sinh năm 1998 và Nguyễn An B, sinh năm 2002. Về tài sản chung: Không; Nợ chung: Không. Nay bà G có đơn xin ly hôn, ông T đồng ý, không có ý kiến gì (Bút lục số 38).

Vụ án không hòa giải được do nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc G yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam Thạnh Hòa, tỉnh Long An vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã có bản tự khai và đang chấp hành án, việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến xét xử cho nên nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông Anh T đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Ngọc G và ông Nguyễn Anh T chung sống với nhau và tiến tới hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cần Thơ nay là phường K, quận N, thành phố Cần Thơ cấp theo giấy chứng nhận kết hôn số 05-KH-98 vào ngày 23/4/1998 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà G và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà G có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – ông Nguyễn Anh T đang chấp hành án tại Trại giam H, tỉnh Long An theo bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt Nguyễn Anh T 13 năm tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ông T có yêu cầu được tham gia xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, ông T đang chấp hành án việc trích xuất, dẫn giải ông T về phục vụ công tác xét xử gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, ông T cũng có bản tự khai, việc vắng mặt của ông T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt bị đơn) theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Bà G và ông T chung sống có đăng ký kết hôn năm 1998, sống hạnh phúc được 18 năm thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau cho nên bà xin ly hôn.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà G và T chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù vợ chồng có cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện. Mặt khác, khi Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng thì bà G không đồng ý để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ giữa bà G và ông T đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Tại bản tự

khai ngày 12/5/2020 ông T cũng đồng ý ly hôn với bà G (BL 38). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trường A (nam), sinh ngày 22/3/1998 và Nguyễn An B (nam); sinh ngày 14/11/2002. Hiện tại cháu A và cháu B đã trưởng thành. Bà G không yêu cầu giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc G khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc G về việc ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc G được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trường A (nam), sinh ngày 22/3/1998 và Nguyễn An B (nam); sinh ngày 14/11/2002. Hiện tại cháu A và cháu B đã trưởng thành. Bà G không yêu cầu giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp, theo biên lai thu số 005958 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự, quận C thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà G đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến